

TCCS

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC-VVMI

TCCS 09:2023/APLUKO

NỒI NẤU – THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Hà Nội, năm 2023

Số: 651/QĐ-APLUCO

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

(Về việc ban hành Tiêu chuẩn cơ sở)

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC - VVMI

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 68/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006;

Căn cứ Thông tư 21/2007/TT-BKHHCN ngày 28/09/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Hướng dẫn xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn;

Căn cứ vào nhu cầu sản xuất và kinh doanh của Công ty.

Xét đề nghị của phòng KT-CĐ-AT-MT.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay ban hành tiêu chuẩn cơ sở: **TCCS 09:2023/APLUCO**

Áp dụng cho sản phẩm: **Nồi nấu.**

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10/04/2023 và thay thế Quyết định số: 1943/QĐ-APLUCO ngày 21/09/2017 của Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí và Thiết bị áp lực - VVMI.

Điều 3: Ban lãnh đạo, các phòng, phân xưởng trong Công ty căn cứ quyết định thực hiện.

Nơi nhận:

- Chi Cục TCĐLCL Hà Nội (để b/c);
- Như Điều 3;
- Lưu KT-CĐ-AT-MT.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Mạnh Tú

**BẢN CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN CƠ SỞ
TCCS 09:2023/APLUCO**

Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Cơ khí và Thiết bị áp lực - VVMI

Địa chỉ: Số 506 Hà Huy Tập - Yên Viên - Gia Lâm - Hà Nội

Điện thoại: 043 827 27 23

Fax: 043 878 09 34

CÔNG BỐ

Tên tiêu chuẩn (số hiệu và tên tiêu chuẩn): **TCCS 09:2023/APLUCO**

Áp dụng cho sản phẩm, hàng hóa (Tên SP, hàng hoá): **Nồi nấu.**

- Kiểu, loại, mã số;

- Nhãn hiệu hàng hóa, mã ký hiệu sản phẩm;

- Số Giấy đăng ký độc quyền kiểu dáng công nghiệp, đăng ký nhãn hiệu... (nếu có);

Công ty Cổ phần Cơ khí và Thiết bị áp lực - VVMI cam kết sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hoá theo đúng tiêu chuẩn công bố nêu trên.

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2023

GIÁM ĐỐC *lu*



Nguyễn Mạnh Tú

MỤC LỤC

	Trang
LỜI NÓI ĐẦU	2
PHẦN KHÁI QUÁT	3
1. Tên gọi	3
2. Phạm vi áp dụng	3
PHẦN KỸ THUẬT	4
I. Thông số kỹ thuật	4
1. Thông số kỹ thuật của nồi nấu	4
II. Thành phần hóa lí của vật liệu chế tạo nồi nấu (Thép SS400, SUS304, C45...)	5
1. Tính chất hóa học	5
2. Tính chất cơ lí của vật liệu chế tạo	5
3. Độ cứng khi chưa nhiệt luyện	5
III. Phương pháp kiểm tra	6
1. Kiểm tra hình dáng, kích thước	6
2. Kiểm tra thành phần hóa học	6
3. Kiểm tra cơ lý tính	6
IV. Ghi nhãn hàng hóa	6
V. Vận chuyển và bảo quản	6
1. Vận chuyển	6
2. Bảo quản	6

LỜI NÓI ĐẦU

Nồi nấu được sử dụng rộng rãi trong việc nấu thức ăn. Chúng dùng hơi nước nóng bão hòa để làm chín thức ăn hoặc làm nóng nước. Nồi nấu có nhiều loại khác nhau xong về cơ bản nồi nấu gồm: Thân trong là nơi tiếp xúc với thực phẩm lên được tổ hợp từ thép inox 304 có chiều dày 4 -:- 6 mm; thân ngoài, giá đỡ. Các bộ phận được liên kết với nhau bằng phương pháp hàn. Vật liệu chủ yếu để gia công chế tạo nồi nấu là thép SS400, SUS304, C45 ...vv.

Để đáp ứng nhu cầu sử dụng trong và ngoài Tập đoàn Than khoáng sản Việt Nam, qua nghiên cứu, khảo sát thực tế trên thị trường. Công ty Cổ phần Cơ khí và Thiết bị áp lực - VVMI đã nghiên cứu thiết kế, lập quy trình sản xuất các loại nồi nấu nhằm phục vụ nhu cầu trong nấu ăn.

Nội dung của tiêu chuẩn này nêu lên các thông số kỹ thuật và các chỉ tiêu chất lượng cụ thể của sản phẩm nồi nấu đã được phòng kỹ thuật Công ty đánh giá thông qua và Giám đốc Công ty đã phê duyệt ban hành.

PHẦN KHÁI QUÁT

1. Tên gọi

Tiêu chuẩn cơ sở **TCCS 09:2023/APLUCO**

Nồi nấu - Thông số kỹ thuật.

2. Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này được áp dụng cho sản phẩm nồi nấu dùng hơi nước trong công nghiệp, sinh hoạt trong và ngoài Tập đoàn do Công ty Cổ phần Cơ khí và Thiết bị áp lực - VVMI sản xuất.

Tiêu chuẩn này không áp dụng cho các sản phẩm không do Công ty Cổ phần Cơ khí và Thiết bị áp lực - VVMI sản xuất.

PHẦN KỸ THUẬT**I. Thông số kỹ thuật****1. Thông số kỹ thuật của Nồi nấu**

Số TT	Quy cách	Mã hiệu/ký hiệu sản phẩm	Kích thước (D*R*C) (mm)	Dung tích (lít)	Áp suất làm việc (kG/cm ²)	Ghi chú
1	Nồi nấu 100 lít	NN 0.1-3	Φ790x290	100	3	
2	Nồi nấu 120 lít	NN 0.12-3	Φ790x310	120	3	
3	Nồi nấu 150 lít	NN 0.15-3	Φ750x480	150	3	
4	Nồi nấu 200 lít	NN 0.2-3	Φ750x540	200	3	
5	Nồi nấu 250 lít	NN 0.25-3	Φ800x540	250	3	
6	Nồi nấu 300 lít	NN 0.3-3	Φ800x690	300	3	

Các chi tiết sau khi gia công xong phải đảm bảo được độ dung sai cho phép về đường kính là $\pm 1\text{mm}$, về chiều cao là $\pm 2\text{mm}$.

Về độ dày của vật liệu phải đảm bảo độ dung sai trong phạm vi cho phép về đường kính là $\pm 0,02\text{ mm}$.

II. Thành phần hóa lí của vật liệu chế tạo Gông, láp (Thép SS400, SUS 304, C45)

1. Tính chất hóa học

- CT3 (SS400):

Đơn vị tính (%)

C	Si	Mn	P	S	Cr	Ni	Cu
0,12 ÷ 0,20	≤ 0,30	0,30 ÷ 0,80	≤ 0,40	≤ 0,40	≤ 0,30	≤ 0,30	≤ 0,30

- SUS 304:

Đơn vị tính (%)

C	Si	Mn	P	S	Cr	Ni	Cu
≤ 0,08	≤ 1,0	≤ 2,0		≤ 0,035	18 ÷ 20	8,1 ÷ 10	

- C45:

Đơn vị tính (%)

C	Si	Mn	P	S	Cr	Ni	Cu
0,42 ÷ 0,50	0,17 ÷ 0,37	0,50 ÷ 0,80	≤ 0,035	≤ 0,035	≤ 0,25	≤ 0,25	≤ 0,25

2. Tính chất cơ lí của vật liệu chế tạo

- CT3 (SS400): Giới hạn chảy $\delta_s \geq 235$ MPa.
- SUS304: $\delta_b \geq 515$ Mpa; $\delta_s \geq 245$ MPa.
- C45: $\delta_b \geq 600$ Mpa; $\delta_s \geq 355$ MPa.

3. Độ cứng khi chưa nhiệt luyện

- C20: ≤ 156 HB.
- C45: ≤ 229 HB.

III. Phương pháp kiểm tra

1. Kiểm tra hình dáng, kích thước:

Dùng thước dây, thước lá, thước cặp, Panme, đồng hồ so, dưỡng để kiểm tra các kích thước theo yêu cầu kỹ thuật của bản vẽ.

2. Kiểm tra thành phần hóa học:

Dựa theo kết quả phân tích thành phần hóa học của nhà cung cấp vật liệu (nếu có).

Mỗi một lô hàng từ 05 cái trở lên nếu bên mua yêu cầu và bên cung cấp đồng ý thì lấy sắc xuất 01 mẫu mang đi kiểm tra phân tích thành phần bằng máy phân tích quang phổ (chi phí do bên mua chi trả).

3. Kiểm tra cơ lý tính:

Dựa theo kết quả kiểm tra cơ lý tính của nhà cung cấp vật liệu (nếu có).

Mỗi một lô hàng từ 05 cái trở lên nếu bên mua yêu cầu và bên cung cấp đồng ý thì lấy sắc xuất 03 mẫu mang đi kiểm tra thử kéo (chi phí do bên mua chi trả).

IV. Ghi nhãn hàng hóa

Ghi nhãn hàng hóa: Trên nhãn hàng hóa có ghi đầy đủ các nội dung theo quy định đã ban hành:

- Tên sản phẩm, hàng hóa.
- Tên và địa chỉ của doanh nghiệp.
- Định lượng.
- Tháng sản xuất.
- Thông số kỹ thuật.
- Tiêu chuẩn áp dụng sản xuất.

V. Vận chuyển và bảo quản.

1. Vận chuyển

Việc vận chuyển sản phẩm được thực hiện bằng các phương tiện giao thông đường bộ, đường thủy, đường sắt ...vv.

Sản phẩm được đóng gói thành từng kiện, mỗi kiện là 01 sản phẩm.

2. Bảo quản

Sau khi gia công chế tạo xong các chi tiết được sơn 02 nước chống rỉ và 01 nước màu (trừ chi tiết bằng inox).

Các sản phẩm được bảo quản trong nhà kho đảm bảo được sự thông thoáng, tránh đặt tại các nơi ẩm thấp, tránh tiếp xúc với các loại hóa chất gây ăn mòn kim loại, trong quá trình bốc xếp cần đúng các thiết bị chuyên dùng như xe nâng, cầu, cầu trục ...vv.